



Huệ Viễn Đại Sư - Liên Tông Sơ Tổ

Huệ Viễn đại sư họ Cổ, nguyên quán xứ Lô Phiền ở Nhạn Môn thuộc tỉnh Sơn Tây. Ngài sanh tại Thạch Triệu, năm Giáp Ngọ, vào niên hiệu Diên Hy đời vua Thành Đế nhà Tấn. Cả song thân đều khuyết danh.

Thuở ấy, còn gọi là thời Ngũ Hồ, mặc dù có nhiều vương, nhưng các tư tưởng học thuyết Thánh Hiền lan rộng đã lâu, nên từ bé ngài đã thấm nhuần nề nếp thuần phong đạo đức.

Niên hiệu Hàm Hòa thứ 9, ngài lên mười ba tuổi, được song thân cho du học ở miền Hứa Lạc. Không bao lâu, từ Nho giáo đến các học thuyết Lão, Trang cùng bách gia chư tử, ngài đã thông biện đến mức siêu quần.

Trong niên hiệu Cảnh Bình, vừa 21 tuổi, cảm thấy các học thuyết sở đắc của mình không thể giải quyết được vấn đề sống chết luân hồi, mà trong tâm hằng thao thức, ngài cùng ẩn sĩ Phạm Tuyên Tử định du phương tìm đạo. Nhưng lúc ấy vì có loạn Thạch Hồ, đường giao thông bị trở ngại nên ý nguyện không thành.

Thời gian sau, có Đạo An Pháp Sư trú tại chùa Nghiệp Trung ở núi Thái Hàng thuộc dãy Hằng Sơn, vân tập Tăng chúng giảng dạy kinh điển. Các hàng đạo tục, vua quan, sĩ thứ đều cảm hóa hướng về. Ngài nghe danh mến đức; tìm đến xin quy y, nương theo tu học.

Sau khi nghe Pháp Sư giảng kinh Bát Nhã, ngài suốt thông tỏ ngộ than rằng: "Phật pháp quả thật cao diệu bao la, xét lại học thuyết của Khổng Mạnh, Lão, Trang, khác nào như tro tàn, cặn bã!". Từ đó, ngài chuyên tâm hôm sớm đọc tụng, suy nghĩ, tu tập. Đạo An thấy biết khen ngợi: "Về sau Phật pháp lưu thông ở Động Độ, âu là do Huệ Viễn này chăng?"

Niên hiệu Thái Nguyên thứ 6, Đại Sư du hóa tới Tầm Dương, thuộc tỉnh Giang Tây, xa trông cảnh Lô Sơn rộng rãi thanh tú, phải nơi hành đạo, mới đến lập tinh xá nương ở. Thấy chỗ đó thiếu nước, vả lại bấy giờ tại bản xứ gặp cơn nắng hạn, các dòng suối đều cạn khô, ngài phát tâm từ bi đến khe núi tụng kinh Hải Long Vương; cầm tích trượng động xuống đất khẩn nguyện. Bỗng có con Bạch Long từ dưới đất bay vọt lên hư không. Giây phút mưa to xối xả, mực nước các nơi đều trở lại bình thường, tại đó xuất hiện dòng suối mát mẻ trong xanh, quanh co tuôn chảy. Vì hiện tượng này, ngày lấy hiệu tinh xá là Long Tuyền. Lúc ấy Pháp Sư Huệ Vĩnh, một bạn đồng môn, trước đã trụ chùa Tây Lâm bên phía tây Lô Sơn, muốn mời ngài về cùng ở. Nhưng pháp duyên của Huệ Viễn đại sư thanh, học giả nương về ngài càng ngày càng đông, cạnh Tây Lâm đất hẹp, không thể lập đạo tràng dung chúng. Quan Thái sử Hoàn Y thấy thế, phát tâm cất chùa cho ngài bên phía Đông Lô Sơn. Do uy đức của Đại Sư, khi sắp khởi công kiến tạo, vào một đêm nọ bỗng có cơn mưa giông to lớn, sấm sét vang trời. Sáng ra, đại chúng thấy vật liệu xây cất, như các thứ gỗ to quý và cát đá chất thành đống. Bởi nhờ sức thần linh vận chuyển giúp công như thế nên ngôi chùa ấy có tên Đông Lâm Thần Vận Tự.

Khi ngôi lan-nhã hoàn thành, Đại Sư đốc xuất chúng ngày đêm tinh tấn hành đạo. Trước thời gian ấy, tại Quảng Châu có các ngư dân, vào buổi hoàng hôn, thấy ánh sáng xuất hiện trên mặt biển. Họ cùng đến tìm xem và vớt được một tôn tượng Văn Thù Bồ Tát rất đẹp, liền đem trình với qua Thái Thú sở tại là Đào Khả. Tượng này được tôn trí tại chùa Hàn Khê. Sau đó, vị trụ trì nhân có việc xuống Hạ Khẩu, ban đêm mộng thấy ngôi bản tự bị hỏa hoạn, chỗ thờ đức Văn Thù có nhiều Long Thần ủng hộ vây quanh. Ông vội vã trở về, quả thật ngôi chùa đã bị lửa thiêu tàn rụi, chỉ có pho tượng là còn nguyên. Về sau Đào Công sắp đi trấn nhậm nơi khác, nhân thấy tôn tượng rất linh thiêng muốn đem theo, nhưng dùng đủ mọi cách mà vẫn không di chuyển được. Nghe danh đức của ngài Huệ Viễn, ông đến viếng thăm, nhân

tiện thuật lại mọi việc, và nhờ Đại Sư chú nguyện để cung thỉnh tôn tượng về thờ tại chùa Đông Lâm. Lần này, khác hơn trước, Long Thiên đều ủng hộ, một cơn gió nhẹ thổi đến làm cho tôn tượng bỗng nhiên lay động, cuộc di chuyển rất thuận tiện dễ dàng. Tượng được tôn trí một nơi trang nghiêm riêng biệt tại Đông Lâm, gọi là Văn Thù Các.

Trước chùa, để cảnh trí thêm phần trang nhã và muốn phân định thời khắc, Đại Sư cho đào ao trồng hoa sen trắng, trên mặt nước thả mười hai cánh sen gỗ, dẫn nước suối ra vào. Cứ mỗi giờ nước chảy đầy qua cánh sen gỗ. Đại chúng y theo đó định thời khóa tu hành, gọi là Liên Lộ.

Lần lượt, các bậc cao Tang, những hành danh sĩ mến đạo phong của Huệ Viễn đại sư, đến xin dự chúng tu tập, mỗi ngày thêm nhiều. Trong đây có những vị lỗi lạc tài hoa, như nhóm ông Tạ Linh Vận, trước kia thường nhìn thiên hạ bằng đôi mắt trắng. Nhưng khi gặp Đại Sư bỗng liền đổi thành thái độ khiêm cung trước đạo phong an điềm, giải thoát và lời luận biện cao nhã, thông suốt của ngài.

Khu vực Lô Sơn có rất nhiều rắn độc, từ trước đã làm nguy hại đến tánh mạng dân cư ở vùng ấy. Nhưng từ khi có chùa Đông Lâm, các loài rắn dữ đều trở nên hiền lành, ngày lẫn đêm thường vây quanh Đại Sư để nghe giảng kinh. Bởi trường hợp này, Đại Sư được người đương thời tôn hiệu là Bích Xà Thánh Giả.

Thỉnh thoảng lại có những bậc danh tài bá lâm tìm đến vấn nạn ngài. Trong ấy, đại để như Pháp Sư Huệ Nghĩa cho đến quan Thái Úy Hoàn Huyền. Nhưng khi tiếp kiến gương mặt rộng rãi uy nghiêm, phong thái trầm tĩnh tự tại của Đại Sư, các vị ấy bỗng nhiên mất tự chủ, xuất hạn đầm đìa, rồi rút lui không dám tranh biện. Ra ngoài họ đều kinh ngạc than thở: "Huệ Viễn đại sư có uy lực nhiếp chúng rất lạ lùng, thật đáng nể phục!".

Niên hiệu Long An thứ ba và đầu năm Nguyên Hưng đời Đông Tấn, quan Phụ Chính Hoàn Huyền lần lượt gửi cho ngài hai văn kiện bãi đạo và thanh lọc hàng ngũ xuất gia. Nội dung của văn kiện gồm nhiều lý lẽ đề cập đến việc không lợi ích cho quốc gia và sự hoang đường thiếu thiết thực của Phật giáo. Thời gian ấy, Tăng chúng trong toàn quốc bị đạo luật này chi phối, nhiều vị phải hoàn tục. Đại Sư đều tuần tự phúc đáp bằng lời lẽ vững mạnh thích đáng, khiến cho đạo luật đó không thể ứng dụng được tại tỉnh Giang Tây.

Trong niên hiệu Nghĩa Hy, An Đế từ Giang Lăng xa giá đến Giang Tây, Trần Nam tướng quân Hà Vô Kỵ yêu cầu ngài đích thân nghinh tiếp đức vua. Đại Sư lấy cố đau yếu từ khước không bái yết. Đến năm Nguyên Hưng thứ hai, Hoàn Huyền lại gửi văn thư cho ngài, với nhiều lý luận bắt buộc hàng Sa môn phải lễ bái quốc vương. Đại Sư soạn văn thư phúc đáp và quyển Sa Môn Bất Kính Vương Giả Luận gồm năm thiên để hồi âm. Triều đình đều nể trọng và phải chấp nhận quan điểm của ngài.

Đạo đức, sự linh cảm và công hộ trì Phật pháp của Đại Sư còn rất nhiều, nơi đây chỉ thuật lại phần khái quát. Những điểm này trong vô hình đã khiến cho tỉnh Giang Tây biến thành trung tâm Phật hóa tại miền Nam.

Ở Đông Lâm, nhân khi rối rảnh, Đại Sư họp chúng lại bảo: "Chư vị đến đây niệm Phật, phải chăng đều cùng quyết chí gieo nhân lành cầu về Tịnh Độ u'?" Nhân cơ duyên đó, ngài cùng đại chúng cho mời thợ khéo chiếu y theo kinh điển, tạo tượng Tây Phương Tam Thánh. Ba tôn tượng A Di Đà, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí khi tạo thành rất cao lớn tươi đẹp, có đủ nét tướng uy đức trang nghiêm. Tượng Tam Thánh ấy được phụng cúng ở Bát Nhã Đài Đông Lâm. Vào tiết Mạnh Thu năm Mậu Thìn, nhằm ngày lạc thành tôn tượng, Đại Sư cùng tất cả chúng kết lập Bạch Liên Xã, nguyện đồng sanh về cõi Liên bang. Khi ấy, ông Lưu Di Dân làm bài văn phát nguyện khắc vào bia đá. Các danh sĩ như nhóm ông Vương Kiêu Chi lại viết thành tập thơ, lấy tên Niệm Phật Tam Muội để tỏ bày ý chí. Đại Sư vì làm lời tựa như sau:

"Tam muội là thể nào? Chính là nhớ chuyện, tưởng lặng vậy. Nhớ chuyện thì chí một tâm đồng. Tưởng lặng thì khí thanh thần sáng. Khí thanh thì trí soi ngộ đến lý nhiệm mầu. Thần sáng thì không chỗ u vi nào chẳng thấu. Hai điểm này tự nhiên thâm hợp nương về mà phát sanh ra diệu dụng.

Lại, các môn Tam Muội, danh mục rất nhiều, công cao dễ tu, Niệm Phật là thẳng. Tại sao thế? Vì cùng nơi huyền tịch mới hiểu Như Lai, thể hợp với thần, mười phương ứng hiện. Thế nên, khi vào tam muội, lặng lẽ vong tri, trí sáng chiếu cảnh duyên, gương lòng bày muôn tượng. Chỗ mát ta không đến được, mà vẫn thấy vẫn nghe. Nơi linh trí lặng sáng thanh, nên hằng thông hằng suốt. Nếu chẳng phải bậc căn cơ linh mẫn, thì làm sao vào được cảnh diệu huyền ư?

Hôm nay, cùng chư hiền tu tập, đồng nương kết pháp duyên. Rửa lòng cửa Phật, những e còn kém duyên sen. Chuyên ý sớm hôm, cảm nỗi thán ngày chẳng lại. Chí nguyện ba thừa thông suốt, bước đạo tiến cao. Lòng mong diu dắt người sau, lỗi tranh tẩy sạch.

Xin xem thiên bài mà thấu ý, đừng theo văn vịnh để vui tâm".

Đại Sư vì thấy miền Đông Nam kinh tạng còn thiếu nhiều, nên sai đệ tử là Pháp Tịnh, Pháp Lĩnh cùng nhiều vị khác vượt ngọn Thông Lãnh sang Tây Thiên, tìm thỉnh các thứ kinh Phạm bản. Trải nhiều năm vượt suối băng ngàn, dãi nắng dầm sương, chịu đủ mọi nỗi khó khăn trở ngại, đoàn thỉnh kinh từ Tây Vực mới trở về, mang lại nhiều kết quả mong muốn. Tuy nhiên, nguyên bản còn là chữ Phạm. Huệ Viễn đại sư phải cho người đến Trường An thỉnh Tôn Giả Phật Đà Bạt Đà La, họp cùng những vị khác đến Lô Sơn phiên dịch các kinh điển ấy. Đại Sư lại viết thư thỉnh cầu Tôn Giả Đàm Ma Lưu Chi, người Tây Trúc dịch thành bộ Thập Tụng Luật. Thời ấy, những kinh luật lưu hành từ Lô Sơn có gần đến trăm thứ.

Tuy xiển dương Tịnh Độ, Đại Sư vẫn lưu tâm đến các pháp môn khác, viết nhiều bài tựa về kinh luận, và hoàn thành mấy tác phẩm như sau:

1. Đại Trí Luận Yếu Lược (20 quyển).
2. Pháp Tánh Luận.
3. Sa Môn Bất Kính Vương Giả Luận.
4. Đại Thừa Nghĩa Chương (3 quyển).
5. Thích Tam Bảo Luận.
6. Minh Báo Ứng Luận.
7. Sa Môn Đản Phục Luận.
8. Biện Tâm Thức Luận.
9. Phật Ảnh Tán.
10. Du Lô Sơn Thi.
11. Lô Sơn Lược Ký.
12. Du Sơn Ký.

Ngoài ra còn nhiều văn thư biện luận về Phật pháp giữa Đại Sư với ngài Cư Ma La Thập, cùng các ông Lưu Di Dân, Đới An và những hàng tấn thân, đều được người đương thời truyền tụng. Trong bộ Pháp Tánh Luận, Đại Sư phát minh lý Niết Bàn Thường Trú. Khi bộ luận này truyền đến Quan Trung, Pháp Sư Cư Ma La Thập xem được, khen rằng: "Lành thay! Huệ Viễn đại sư cư ngụ vùng biên phương, chưa đọc kinh Đại Niết Bàn mà lời luận lại thâm hợp với chân lý. Ấy chẳng phải là điều kỳ diệu hay sao?".

Bạch Liên Xã do Đại Sư thành lập, quy tụ hơn ba ngàn người, trong đây có 123 vị được tôn là Hiền. Trong 123 vị Hiền này, lại có 18 bậc thượng thủ gọi là Đông Lâm Thập Bát Đại Hiền, gồm các ngài như sau:

1. Huệ Viễn Đại Sư.
2. Huệ Vĩnh Pháp Sư.
3. Huệ Trì Pháp Sư.
4. Đạo Sanh Pháp Sư.
5. Phật Đà Gia Xá Tôn Giả.
6. Phật Đà Bạt Đà La Tôn Giả.
7. Huệ Duệ Pháp Sư.
8. Đàm Thuận Pháp Sư.
9. Đạo Kính Pháp Sư.
10. Đàm Hằng Pháp Sư.
11. Đạo Bính Pháp Sư.
12. Đàm Tiên Pháp Sư.
13. Danh sĩ Lưu Di Dân.
14. Danh sĩ Lô Thứ Tôn.
15. Danh sĩ Tôn Bính.
16. Danh sĩ Vương Dã.

17. Danh sĩ Vương Thuyên.

18. Danh sĩ Châu Tục Chi.

Đại Sư ở Lô Sơn hơn ba mươi năm, chân không bước ra khỏi núi. Ngài khước từ mọi sự liên lạc không cần thiết với đời, nguyện giải quyết vấn đề sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Khi có khách đến viếng, lúc ra về, Đại Sư chỉ tiễn chân tới cầu suối Hồ Khê trước chùa rồi trở vào. Có một lần, hai danh nhân là nho sĩ Đào Uyên Minh và đạo gia Lục Tu Tĩnh tìm đến yết kiến. Vì cơ luận khế hợp, khi đưa khách ra về, bất giác Đại Sư bước ra khỏi cầu suối hồi nào không hay. Vừa lúc ấy, ánh tịch dương chợt rọi đến, in bóng người bên vách núi. Cả ba như bưng tỉnh, đứng lại nhìn nhau cả cười, rồi chia tay tạm biệt. Người sau dựng Tam tiểu Đình tại nơi đây để lưu niệm. Trong Tây phương bách vịnh, Nhất Nguyên đại sư có biên ký điều trên như sau:

Tây phương cổ giáo Thế Tôn tiên
Đông Độ khai tông hiệu Bạch Liên
Thập bát đại hiền vi thượng thủ
Hồ Khê tam tiểu chí kim truyền.

Tạm dịch:

Tây phương Phật dạy trước tiên
Truyền sang Đông Độ, Bạch Liên mở đàn
Mười tám hiền, học hạnh toàn
Hồ Khê dường hầy còn vang tiếng cười....

Ở Đông Lâm, hôm sớm Đại Sư hăng lạng lòng quán tưởng, chuyên chí về Tịnh Độ, đã ba phen thấy thánh tướng mà trầm hậu không nói ra.

Năm Nghĩa Hy thứ mười hai, đêm ba mươi tháng bảy, ngài ngồi tịnh nơi Bát Nhã Đài. Lúc vừa mở mắt xuất định, bỗng thấy Phật A Di Đà thân sắc vàng đầy khắp hư không. Trong ánh viên quang hiện vô số hóa Phật, mỗi vị đều có Quán Âm, Thế Chí hầu hai bên tả hữu. Lại thấy nước chảy chia thành mười bốn ngọn quanh lộn lên xuống, phóng ra những tia sáng đẹp, diễn nói các pháp: Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã. Đức Phật bảo ngài rằng: "Ta dùng sức bản nguyện đến đây an ủi người. Sau bảy ngày, người sẽ được sanh về Cực Lạc". Đại Sư lại thấy các bạn đồng tu ở Liên Xã đã viên tịch trước, như các ông: Phật Đà Da Xá, Huệ Trì, Huệ Vĩnh, Lưu Di Dân... đều

đứng phía sau Phật. Các vị ấy bước đến trước, chắp tay chào và nói: "Ngài pháp tâm sớm hơn chúng tôi nay sao lại về muộn như thế?".

Hôm sau, Đại Sư cảm bệnh nhẹ, gọi đệ tử là Pháp Tịnh, Huệ Bảo đến thuật lại và nói: "Ta ở Lô Sơn này, trong mười một năm đầu, đã ba lần thấy thánh tướng cùng các kỳ tích. Nay lại có điềm như thế, tất duyên sanh Tịnh Độ đã đến thời kỳ!" Rồi dặn bảo các việc sau, soạn quy chế để răn nhắc đại chúng cùng nhau sách tiến tu tập.

Trong thời gian Đại Sư lâm bệnh, chư Tăng khuyên ngài phương tiện dùng thuốc rượu để điều trị. Đại Sư khước từ bảo: "Thân người như huyễn, nguyện giữ giới luật hoàn toàn thanh tịnh". Các Đại Đức lại thỉnh ngài dùng nước cơm, Đại Sư nói không thể được vì đã quá ngộ. Chư Trưởng Lão yêu cầu ngài tạm dùng mật. Đại Sư bảo hãy chờ Luật tìm xem có đề cập đến điều này hay không? Các Luật Sư tra cứu chưa xong, ngài đã viên tịch. Lúc ấy nhằm ngày mùng 6 tháng 8 năm Bính Thìn, niên hiệu Nghĩa Hy thứ mười hai. Đại Sư thọ 83 tuổi.

Quan Thái Thú Tâm Dương là Nguyễn Bảo cùng đại chúng làm lễ an táng và xây tháp ngài tại phía Tây Lô Sơn. Vua An Đế nhà Tấn hay tin rất thương tiếc, sắc phong cho Đại Sư thụy hiệu: "Lô Sơn Tôn Giả, Hồng Lô Đại Khanh, Bạch Liên Xã Chủ". Các vua đời sau đều có phong tặng để cảm niệm công đức hộ pháp an dân của ngài.

Trích ở các bộ:
“Đông Lâm Truyện”
“Lô Sơn Tập”

Huệ Viễn Đại Sư họ Cổ, người Nhạn Môn. Lúc thơ ấu, bẩm tánh ngài rất hiếu học, đã thông Nho điển lại rất giỏi về học thuyết Lão, Trang.

Bấy giờ Đạo An Pháp Sư lập chùa ở Hắng Sơn, vân tập Tăng chúng thuyết pháp. Ngài nghe tiếng mến đức, bèn đến Hắng Sơn quy y với Pháp Sư.

Khi nghe Đạo An Pháp Sư giảng kinh Bát Nhã, tâm trí ngài mở thông tỏ ngộ diệu lý. Ngài bèn than rằng: "Nào ngờ Phật thừa thâm diệu! Mấy lâu nay ủng công ta đeo đuổi theo bã rác Khổng, Mạnh, Lão, Trang!

Rồi ngài xin xuất gia, pháp hiệu Huệ - Viễn. Từ đó trở đi, ngài liền đêm, ngày chuyên tâm đọc tụng, tư duy, tu tập. Đạo An Pháp sư thấy ngài chuyên cần nên khen rằng: "Phật pháp sẽ được lưu hành ở Trung Đông tất do nơi Huệ Viễn này vậy".

Năm Thái Nguyên thứ 6, nhà Tấn, đến Tầm Dương thấy cảnh núi Lô Sơn rộng rãi tĩnh mịch, phải nơi hành đạo, ngài bèn lập tịnh xá ở đó, hiệu là Long Tuyền(1) .

Lúc đó Pháp Sư Huệ Vĩnh bạn đồng sư của ngài, đã lập chùa Tây Lâm ở phía Lô Sơn mời ngài cùng về ở Tây Lâm tự.

Được ít lâu, học chúng theo ngài quá đông, chùa Tây Lâm không đủ chỗ, ý ngài muốn lập cảnh khác ở phía đông Lô Sơn. Sơn Thần, đến xin cúng cây gỗ. Rồi sau một đêm mưa to gió lớn, cây gỗ chông chất ngổn ngang. Quan Thứ Sử Hoàn Y phát tâm dựng tòng lâm cho ngài. Vì Sơn Thần đứng gỗ và đối với Tây Lâm tự, nên để hiệu là "Đông Lâm Thần Vận tự".

Khi nơi chốn đã yên, ngài liền đốc suất đại chúng hành đạo, đào ao trồng sen. Trên mặt nước thả bông sen gỗ 12 cánh. Cứ mỗi giờ là nước ngập một cánh, dùng định giờ hành đạo. Gọi là Liên Lộ.

Lần lần những nhà đại trí thức mộ đạo ở bốn phương, như Giác Hiền, Phật Đà Gia Xá, Lưu Di Dân, Vương Kiều Chi v.v... nghe tiếng ngài nên đến xin dự chúng tu tập được 123 người, Ngài bảo: "Quý vị đến chốn này phải chăng là người quyết chí nơi Tịnh độ ư?". Ngài bèn tạo tượng Di Đà, Quan Âm, Thế Chí. Lập hội Liên Xã, bảo ông Lưu Di Dân làm bài văn phát nguyện khắc vào bia đá. Người dự hội đều tinh tấn hành đạo, ngày đêm sáu thời không trễ, lần lượt đều chứng tam muội, đều được vắng sanh. Lúc lâm chung đều có thoại ứng cả.

Ngài từng có lời phát huy ý nghĩa tam muội:

- Gọi tam muội đó là chi? Tức là "**chuyên tư tịch tướng**" vậy.
- "**Chuyên tư**" thời tâm trụ nơi nhứt. "**Tướng tịch**" thời khí rỗng thần sáng. **Khí rỗng** thời trí ngộ nơi lý. **Thần sáng** thời không chỗ kín nào mà chẳng thấu.

Lại các môn tam muội rất nhiều, nhưng dễ được mà công lại cao, thời duy có **niệm Phật tam muội** là hơn hết. Vì cùng nơi "**huyền**", tốt nơi **tịch** mà tôn hiệu "**Như Lai**". "**Thế hiệp**", "**Thần biến**" không chi sánh bằng. Vì

thế nên người nhập tam muội này, tâm thần vắng bật **vong sở tri**. Chính nơi cảnh sở duyên đó mà thành **Trí huệ**. **Trí huệ sáng** thời chiếu suốt nơi trong mà vạn tượng hiện bày rõ ràng vậy. Chỗ tai mắt không đến được mà vẫn thấy vẫn nghe. Vẫn thấy vẫn nghe mà tâm thần vẫn vắng bật, vắng bật mà tự nhiên trong sáng. Do trong sáng nên khi tham cứu bốn tâm, tình trệ liền dung lãng...

Ngài thấy ở Giang Đông kinh tạng thiếu nhiều, nên sai các đệ tử băng núi vượt rừng, đến Tây Thiên thỉnh kinh. Các kinh luật lưu hành từ Lô Sơn gần đến trăm thứ.

Ngài có trứ tác bộ "Pháp Tánh Luận" pháp minh chỉ thú Niết bàn thường trụ. Bộ luận này truyền đến Quang Trung. Pháp Sư Cư Ma La Thập được xem, liền khen rằng: "Ông Viễn ở biên phương chưa đọc "Đại Niết Bàn Kinh", mà lời luận lại hiệp với lý".

Ngài trụ Lô Sơn hơn 30 năm, mà trọn không bước chân xuống núi lần nào. Ngày như đêm, ngài chuyên để tâm nơi Tịnh độ, lặng lòng quán tưởng.

Đã ba phen thấy Phật và Thánh Chúng hiện thân, mà ngài trầm hậu không nói ra.

Năm Nghĩa Hy thứ 12, đêm 30 tháng bảy, ngài ngồi nhập định nơi Bát Nhã đài. Lúc vừa xuất định mở mắt ra, thấy đức A Di Đà Phật hiện thân nơi hư không với vô lượng Thánh Chúng. Trong viên quang có vô số Hóa Phật. Quan Thế Âm Bồ Tát hầu bên tả, Đại Thế Chí Bồ Tát hầu bên hữu. Phật và Bồ Tát đều ngự trên tòa sen báu đẹp sáng. Mười bốn tia sáng quanh lộn lên xuống như vòi nước, vang ra tiếng diễn nói những pháp: Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, các môn Ba La Mật..."

Đức Phật bảo ngài rằng: "Vì bốn nguyện lực nên nay ta đến an ủi ông, sau bảy ngày ông sẽ sanh về nước của ta".

Ngài lại thấy những hội hữu trong Liên Xã đã tịch trước, như các ông: Phật Đà Gia Xá, Huệ Trì, Huệ Vĩnh, Lưu Di Dân v.v... đều đứng phía sau Phật. Các ông ấy bước đến trước chấp tay chào ngài mà nói với ngài rằng: "Đại Sư sớm phát tâm về Tịnh độ, sao lại muộn đến ngày nay?".

Hôm sau, ngài thuật lại với các đệ tử: Pháp Tịnh, Huệ Bửu v.v... và bảo rằng: "Ta ở Lô Sơn này, trong 11 năm đầu, ba lần thấy Phật và Thánh Chúng hiện thân. Nay lại thấy Phật thọ ký. Chắc chắn ta sẽ được sanh về Tịnh Độ".

Rồi ngài tự soạn quy chế để cho đại chúng y theo mà cùng ở cùng tu.

Đến ngày mùng 6 tháng tám, ngài cáo biệt đại chúng, rồi đoan tọa mà viên tịch, thọ 83 tuổi.

-
- (1) *Vì nơi ấy không có mạch nước. Ngài cầm tích trượng xuống đất, bỗng có rãnh vàng nhỏ từ chỗ động trời lên, nước ngọt từ đất theo dấu rãnh mà vọt ra, bèn thành suối tốt. Vì như duyên ấy nên đặt hiệu tịnh xá là “Long Tuyên” (Suối rồng).*